

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/2023/DS-ST

Ngày: 09-5-2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Ngọc Đình

2. Ông Đặng Văn Bé

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Quê, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 64/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2023 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2023/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh Tr, sinh năm 1974. Địa chỉ: Số 543/4, ấp X, xã Th, huyện C, tỉnh L.

Người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Trần Văn C, sinh năm 1967. Địa chỉ: Số 84, đường L, phường 4, thành phố T, tỉnh L (Theo văn bản uỷ quyền ngày 21/12/2022), có mặt.

- Bị đơn:

1. Ông Lê Minh Ch, sinh năm 1975, vắng mặt.

2. Bà Trần Thị Minh Ng, sinh năm 1975, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số 378/6, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/12/2022, đơn thay đổi nội dung khởi kiện ngày 27/3/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Văn C là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 25/7/2022, bà Tr có cho bà Trần Thị Minh Ng vay số tiền 115.000.000 đồng, để giải quyết việc gia đình, hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 02 ngày sau trả, lãi suất vay 2.000đ/1.000.000đ/ngày. Đến hạn trả nợ bà Ng không trả vốn và xin được trả tiền lãi với mức lãi suất 5%/tháng, bà Tr đồng ý và có nhận của bà Ng 01 tháng tiền lãi với số tiền là 5.500.000 đồng rồi ngưng không trả vốn và lãi cho bà Tr.

Vào ngày 29/8/2022, bà Tr có cho ông Lê Minh Ch vay số tiền 100.000.000 đồng, để giải quyết việc gia đình, hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 02 ngày sau trả, lãi suất vay 2.000đ/1.000.000đ/ngày. Đến hạn trả nợ ông Ch không trả vốn và xin được trả tiền lãi với mức lãi suất 5%/tháng, bà Tr đồng ý và có nhận của ông Ch 01 tháng tiền lãi với số tiền là 5.000.000 đồng rồi ngưng không trả vốn và lãi cho bà Tr.

Vào ngày 19/9/2022, bà Tr có cho ông Lê Minh Ch vay số tiền 100.000.000 đồng, để giải quyết việc gia đình, hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 02 ngày sau trả, lãi suất vay 2.000đ/1.000.000đ/ngày. Đến hạn trả nợ ông Ch không trả và xin được trả tiền lãi với mức lãi suất 5%/tháng, bà Tr đồng ý và có nhận của ông Ch 01 tháng tiền lãi với số tiền là 5.000.000 đồng rồi ngưng không trả vốn và lãi cho bà Tr.

Tổng cộng, bà Tr đã cho vợ chồng bà Ng và ông Ch vay số tiền 315.000.000 đồng. Do ông Ch và bà Ng vay tiền của bà Tr trong thời kỳ hôn nhân và để giải quyết việc gia đình nên bà Tr yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Minh Ch và bà Trần Thị Minh Ng phải liên đới trả số tiền vốn vay còn nợ và tính lãi suất với mức lãi suất 0,83%/tháng, đối với từng khoản vay, cụ thể:

Đối với số tiền vốn vay 115.000.000 đồng (ngày 25/8/2022), tính lãi từ ngày 25/8/2022 đến ngày 25/3/2023 là 07 tháng x 0,83%/tháng, thành tiền là 6.680.000 đồng.

Đối với số tiền vốn vay 100.000.000 đồng (ngày 29/9/2022), tính lãi từ ngày 29/9/2022 đến ngày 28/3/2023 là 06 tháng x 0,83%/tháng, thành tiền là 4.980.000 đồng.

Đối với số tiền vốn vay 100.000.000 đồng (ngày 19/10/2022), tính lãi từ ngày 19/10/2022 đến ngày 19/3/2023 là 05 tháng x 0,83%/ tháng, thành tiền là 4.150.000 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà Tr thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với ông Ch và bà Ng. Bà Tr yêu cầu ông Ch phải trả số tiền vốn vay còn nợ là 200.000.000 đồng theo 02 biên nhận nợ đã ký và 9.130.000 đồng tiền lãi, bà Tr yêu cầu bà Ng trả số tiền vốn vay còn nợ là 115.000.000 đồng theo biên nhận nợ đã ký và 6.680.000 đồng tiền lãi.

Ông Lê Minh Ch và bà Trần Thị Minh Ng là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thanh Tr có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Lê Minh Ch và bà Trần Thị Minh Ng, việc tranh chấp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Ch và bà Ng cư trú tại huyện Châu Thành, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Ông Ch và bà Ng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Ch và bà Ng.

[2]. Về nội dung vụ án: Bà Tr yêu cầu ông Ch phải trả số tiền vốn vay là 200.000.000 đồng và tiền lãi là 9.130.000 đồng và yêu cầu bà Ng trả số tiền vốn vay là 115.000.000 đồng và tiền lãi là 6.680.000 đồng, trả một lần khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Xét thấy, nguyên đơn cung cấp được 02 biên nhận vay tiền, có chữ ký tên và chữ viết họ tên Lê Minh Ch và 01 biên nhận vay tiền có chữ ký tên và chữ viết họ tên Trần Thị Minh Ng tại vị trí người mượn tiền.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù Tòa án nhiều lần triệu tập ông Ch và bà Ng tham gia tố tụng để làm rõ nội dung vụ án nhưng ông Ch và bà Ng đều vắng mặt không đến Tòa án giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, điều này thể hiện việc ông Ch và bà Ng đã từ bỏ quyền chứng minh cho mình. Như vậy, căn cứ vào các biên nhận vay tiền mà bà Tr cung cấp có đủ cơ sở xác định: Bà Tr có cho ông Ch vay hai lần tổng số tiền là 200.000.000 đồng và cho bà Ng vay số tiền 115.000.000 đồng, có thỏa thuận thời hạn trả của từng khoản vay và lãi suất thỏa thuận miệng là 5%/tháng nên xác định đây là hợp đồng vay có lãi và có kỳ hạn.

[3]. Nguyên đơn yêu cầu ông Ch phải thanh toán số tiền vốn vay còn nợ là 200.000.000 đồng và yêu cầu bà Ng phải thanh toán số tiền vốn vay còn nợ là 115.000.000 đồng là có căn cứ. Đối với yêu cầu tính lãi suất của bà Tr, do khi vay các đương sự có thỏa thuận miệng mức lãi suất là 5%/tháng nên yêu cầu tính lãi suất của bà Tr đối với ông Ch phải trả là 9.130.000 đồng và bà Ng phải trả là 6.680.000 đồng là phù hợp với quy định tại các Điều 357, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tr buộc ông Ch phải thanh toán cho bà Tr số tiền 209.130.000 đồng và bà Ng phải thanh toán cho bà Tr số tiền 121.680.000 đồng. Ông Ch và bà Ng

còn phải chịu tiền lãi chậm thanh toán nợ gốc theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Tr được chấp nhận nên ông Ch và bà Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Bà Tr không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, Điều 463, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Nguyễn Thị Thanh Tr đối với ông Lê Minh Ch và bà Trần Thị Minh Ng.

Buộc ông Lê Minh Ch có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thanh Tr số tiền 209.130.000 (hai trăm lẻ chín triệu, một trăm ba mươi nghìn) đồng, trong đó số tiền vốn vay là 200.000.000 đồng và tiền lãi là 9.130.000 đồng.

Buộc bà Trần Thị Minh Ng có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thanh Tr số tiền 121.680.000 (một trăm hai mươi một triệu, sáu trăm tám mươi nghìn) đồng, trong đó số tiền vốn vay là 115.000.000 đồng và tiền lãi là 6.680.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Ông Lê Minh Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 10.456.500 (mười triệu, bốn trăm năm mươi sáu nghìn, năm trăm) đồng.

Bà Trần Thị Minh Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 6.084.000 (sáu triệu, không trăm tám mươi bốn nghìn) đồng.

Bà Nguyễn Thị Thanh Tr không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà Tr được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 9.900.000 (chín triệu, chín trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006623 ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh LA;
- Viện kiểm sát ND cùng cấp;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Ái Duy